

## DỰ THẢO

## BÁO CÁO

**Tổng kết thi hành Nghị định điều chỉnh lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội và trợ cấp hằng tháng**

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Bộ Nội vụ đã tiến hành tổng kết việc thực thi Nghị định điều chỉnh lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội và trợ cấp hằng tháng. Kết quả như sau:

**I. BỐI CẢNH THỰC HIỆN TỔNG KẾT****1. Bối cảnh trong nước và quốc tế liên quan đến dự thảo Nghị định (nếu có)****a) Về bối cảnh trong nước**

Luật Bảo hiểm xã hội số 41/2024/QH15 điều chỉnh bổ sung một số quy định nhằm mở rộng đối tượng được hưởng lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội và trợ cấp hằng tháng: (1) giảm điều kiện về thời gian đóng bảo hiểm xã hội để được hưởng lương hưu của người lao động; (2) quy định chế độ trợ cấp hằng tháng đối với người lao động đủ tuổi nghỉ hưu nhưng chưa đủ thời gian đóng bảo hiểm xã hội để hưởng lương hưu. Đồng thời, tại Luật này, cũng điều chỉnh quy định về việc điều chỉnh lương hưu của người nghỉ hưu: (1) Lương hưu được điều chỉnh trên cơ sở mức tăng của chỉ số giá tiêu dùng phù hợp với khả năng của ngân sách nhà nước và quỹ bảo hiểm xã hội; (2) Điều chỉnh mức tăng lương hưu thỏa đáng đối với đối tượng có mức lương hưu thấp và nghỉ hưu trước năm 1995 bảo đảm thu hẹp khoảng cách chênh lệch lương hưu giữa người nghỉ hưu ở các thời kỳ.

**2. Quá trình thực hiện tổng kết**

Triển khai thực hiện Nghị quyết số 142/2024/QH15 tại Kỳ họp thứ 7 của Quốc hội, ngày 30/6/2024, Chính phủ ban hành Nghị định số 75/2024/NĐ-CP điều chỉnh lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội và trợ cấp hằng tháng (sau đây viết là Nghị định số 75/2024/NĐ-CP). Ngày 22/5/2025, Bộ Nội vụ đã có Công văn gửi Bộ Tài chính, trong đó có nội dung đề nghị tổng kết thực hiện Nghị định số 75/2024/NĐ-CP.

## II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN

### 1. Công tác chỉ đạo, triển khai và tổ chức thi hành văn bản quy phạm pháp luật

Sau khi Nghị định được ban hành, các bộ, ngành theo chức năng nhiệm vụ được giao đã xây dựng và ban hành văn bản hướng dẫn, cơ quan bảo hiểm xã hội đã thực hiện việc điều chỉnh trong tháng 7/2024 để kịp thời chi trả tiền lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội và trợ cấp hằng tháng.

### 2. Kết quả thi hành văn bản quy phạm pháp luật, đánh giá ưu điểm, bất cập, hạn chế của văn bản quy phạm pháp luật

#### a) Kết quả thi hành văn bản quy phạm pháp luật

Theo báo cáo của cơ quan bảo hiểm xã hội, số người đang hưởng lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội và trợ cấp hằng tháng được điều chỉnh là hơn 3,12 triệu người, kinh phí tăng thêm (06 tháng của năm 2024) để thực hiện việc điều chỉnh là 16.786 tỷ đồng, trong đó:

- Đối với nguồn ngân sách nhà nước đảm bảo: số người được điều chỉnh là 852,7 nghìn người; kinh phí tăng thêm là 3.597 tỷ đồng.

- Đối với nguồn quỹ bảo hiểm xã hội đảm bảo: số người được điều chỉnh là 2.115 nghìn người; kinh phí tăng thêm do thực hiện điều chỉnh (06 tháng 2024) là 13.189 tỷ đồng.

Chi tiết xem tại Phụ lục I gửi kèm theo Báo cáo.

#### b) Đánh giá

Với việc thực hiện điều chỉnh lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội và trợ cấp hằng tháng ở mức khá cao (15%), đã giúp nâng cao mức lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội và trợ cấp hằng tháng, điều này đã góp phần ổn định, nâng cao cuộc sống của người đang hưởng lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội và trợ cấp hằng tháng. Việc thực hiện điều chỉnh tăng thêm đối với những người nghỉ hưu trước năm 1995 đã giúp thu hẹp chênh lệch về lương hưu với người nghỉ hưu sau năm 1995. Tuy nhiên việc điều chỉnh lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội, trợ cấp hằng tháng theo Nghị định số 75/2024/NĐ-CP vẫn còn bộc lộ một số điểm bất cập, hạn chế sau:

- Chưa thể chế hóa được quan điểm của Đảng về việc: *“thay đổi cách thức điều chỉnh lương hưu theo hướng chia sẻ”*;

- Việc điều chỉnh tăng theo mức tăng tương đối càng làm gia tăng thêm khoảng cách chênh lệch lương hưu giữa những đang hưởng lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội và trợ cấp hằng tháng.

### **III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ**

Đề xuất thay đổi cách thức điều chỉnh lương hưu theo hướng áp dụng cả mức điều chỉnh tăng theo cả mức tăng theo số tương đối (tỷ lệ phần trăm) và số tuyệt đối (số tiền cụ thể) để khắc phục được những bất cập nêu trên./.

***Nơi nhận:***

- Như trên;
- Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp;
- Lưu: VT, BHXH.

**KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG**

**Nguyễn Mạnh Khương**

**PHỤ LỤC I**  
**BIỂU TỔNG HỢP KINH PHÍ TĂNG THÊM DO ĐIỀU CHỈNH LƯƠNG HƯU, TRỢ CẤP**  
**BHXH HÀNG THÁNG THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 75/2024/NĐ-CP TRONG NĂM 2024**

Đối tượng	Số người hưởng được tính điều chỉnh trong năm 2024	Mức hưởng bình quân trước điều chỉnh	Mức hưởng bình quân sau điều chỉnh	Tổng kinh phí tăng thêm do điều chỉnh theo Nghị định số 75/2024/NĐ-CP trong năm 2024
	(người)	(đồng/tháng)	(đồng/tháng)	( tỷ đồng)
A	1	2	3	4
Giải thích chi tiêu	Số người được điều chỉnh mức hưởng theo NĐ 75/2024/NĐ-CP trên danh sách chi trả tháng 7/2024	Mức hưởng bình quân trước khi thực hiện điều chỉnh theo NĐ 75/2024/NĐ-CP của những người được điều chỉnh trên danh sách chi trả tháng 7/2024	Mức hưởng bình quân sau khi thực hiện điều chỉnh theo Nghị định số 75/2024/NĐ-CP của những người được điều chỉnh trên danh sách chi trả tháng 7/2024	Tổng số tiền chi trả tăng thêm từ tháng 7 năm 2024 (đối với người hưởng giảm chết trong năm 2024 là tổng số tiền chi trả đến đến tháng người hưởng giảm chết trên danh sách chi trả)
<b>I. Nguồn NSNN</b>	852.720			<b>3.597,26</b>
1. Lương hưu	555.357	5.216.633	5.994.495	2.738,64
2. Mất sức lao động và trợ cấp theo QĐ 91	189.134	3.062.128	3.575.970	611,16
3. Trợ cấp Quyết định số 613/QĐ-TTg	59.702	1.912.936	2.499.820	223,57
4. Công nhân cao su	81	2.489.967	3.161.567	0,34
5. Trợ cấp TNLĐ hàng tháng	8.762	1.058.977	1.222.543	6,32
6. Trợ cấp BNN hàng tháng	1.358	865.299	995.253	1,10
7. Trợ cấp tuất	38.326	624.247	717.884	16,15

<b>II. Nguồn Quỹ BHXH</b>	2.268.450			<b>13.189,08</b>
1. Lương hưu (không bao gồm tự nguyện)	2.115.024	6.469.839	7.439.692	12.898,93
2. Cán bộ xã, phường, thị trấn	8.464	2.517.160	2.894.740	19,96
3. Hưu trí BHXH tự nguyện (kể cả trợ cấp hàng tháng từ quỹ BHXH nông dân Nghệ An chuyển sang)	87.993	2.653.209	3.051.193	217,79
4. Trợ cấp TNLĐ hàng tháng	44.256	1.242.592	1.434.832	38,71
5. Trợ cấp BNN hàng tháng	12.713	1.138.863	1.309.749	13,69
<b>Tổng</b>	<b>3.121.170</b>			<b>16.786</b>